

PHÂN TÍCH TRẮC LƯỢNG THƯ MỤC VỀ ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA GIAI ĐOẠN 2015-2025

Võ Khắc Thường¹, Võ Khắc Trường Thanh²,
Lâm Ngọc Diệp³, Lê Anh Linh⁴, Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ⁵
Tóm tắt

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) giữ vai trò then chốt trong tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Bài viết này nhằm phân tích thực trạng và xu hướng nghiên cứu toàn cầu về đổi mới và phát triển bền vững trong SMEs, qua đó làm rõ vị thế và khoảng trống nghiên cứu. Nhóm tác giả sử dụng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục, áp dụng phần mềm VOSviewer để trực quan hóa mạng lưới. Dữ liệu được thu thập từ 590 bài báo khoa học trên cơ sở dữ liệu Scopus giai đoạn 2015 đến tháng 3 năm 2025. Kết quả cho thấy số lượng công bố tăng mạnh, phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn đối với lĩnh vực này. Trung Quốc là quốc gia dẫn đầu về số lượng nghiên cứu (61 bài), trong khi Việt Nam có những đóng góp nhất định (11 bài) nhưng còn khoảng cách so với các nước khác. Xu hướng nghiên cứu chuyển dịch từ khả năng ứng phó khủng hoảng sang tập trung vào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như động lực của phát triển bền vững. Bài viết cung cấp cái nhìn toàn diện về bức tranh học thuật toàn cầu, khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của đổi mới và chuyển đổi số trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của SMEs.

Từ khóa: doanh nghiệp nhỏ và vừa, đổi mới, phát triển bền vững, phân tích trắc lượng thư mục, Scopus
BIBLIOMETRIC ANALYSIS OF INNOVATION AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN SMALL AND MEDIUM-SIZED ENTERPRISES DURING THE PERIOD 2015-2025

Abstract

Small and medium-sized enterprises (SMEs) play a pivotal role in economic growth, innovation, and sustainable development. This paper aims to analyze the global research landscape and trends on innovation and sustainability in SMEs, thereby clarifying the current status and research gaps. Employing a bibliometric approach, the authors utilized VOSviewer software to map and visualize the research network. The dataset comprises 590 peer-reviewed articles indexed in the Scopus database over the period from 2015 to March 2025. The findings reveal a substantial growth in publication output, indicative of the increasing scholarly attention to this domain. China emerges as the leading contributor (61 articles), whereas Vietnam demonstrates modest engagement (11 articles), highlighting a relative research gap. The evolution of research emphasis has shifted from crisis management capabilities toward innovation and digital transformation as pivotal drivers of sustainable development. This study provides a comprehensive overview of the global academic landscape, highlighting the increasingly important role of innovation and digital transformation in enhancing the competitiveness and sustainability of SMEs.

Keywords: small and medium enterprises, innovation, sustainable development, bibliometric analysis, Scopus

JEL classification: G3, H32, L25.

DOI: 10.63767/TCKT.35.2025.85.92

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh ngày càng gay gắt, đổi mới sáng tạo gắn với phát triển bền vững đã trở thành vấn đề trọng tâm đối với SMEs. Phát triển bền vững ngày càng được xem là động lực then chốt thúc đẩy đổi mới (Sumrin và cộng sự, 2021; Nidumolu và cộng sự, 2013). Tuy nhiên, việc tích hợp yếu tố bền vững vào quá trình đổi mới vẫn còn nhiều thách thức, do đặc tính vốn phức tạp của đổi mới và sự gia tăng mức độ phức tạp khi lồng ghép thêm các mục tiêu bền vững. Dù các doanh nghiệp lớn đã nhận thức rõ tầm quan trọng của đổi mới bền vững, phần lớn SMEs vẫn gặp hạn chế trong triển khai do nguồn lực khan hiếm và áp lực pháp lý, thị trường ít nghiêm ngặt hơn (Cataldo và cộng sự, 2021; Kundurpi và cộng sự, 2021).

Trong bối cảnh đó, đổi mới hướng tới phát triển bền vững được xem là giải pháp thiết yếu, giúp SMEs không chỉ tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới với chi phí tối ưu, đáp ứng nhu cầu khách hàng mà còn củng cố lợi thế cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động (Bagheri và cộng sự, 2022; Ferreira và cộng sự, 2020).

Phân tích trắc lượng thư mục giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi phương pháp này cho phép theo dõi tiến trình nghiên cứu của các chủ đề cụ thể trong nhiều lĩnh vực tri thức dựa trên các chỉ số thống kê khách quan (Ratten và cộng sự, 2020). Đồng thời, phương pháp này giúp nhận diện giá trị học thuật, mức độ mới nổi của các chủ đề nghiên cứu (Merediz-Solà và Bariviera, 2019), cũng như làm rõ mạng lưới hợp tác giữa các quốc gia, tổ chức và học giả (Yu và cộng sự, 2018). Hơn nữa, phân tích trắc lượng thư mục còn cung cấp

cơ sở để đánh giá tác động và tầm ảnh hưởng của các hoạt động khoa học đối với cộng đồng nghiên cứu (Durán-Sánchez và cộng sự, 2020).

Bài viết này hướng tới việc khám phá xu hướng nghiên cứu toàn cầu về đổi mới và phát triển bền vững trong SMEs thông qua việc phân tích các công trình khoa học được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu Scopus. Trên nền tảng dữ liệu có hệ thống và đáng tin cậy này, nghiên cứu nhằm xác định các chủ đề đang nổi lên, làm rõ xu hướng phát triển, và đóng góp vào việc cập nhật, mở rộng tri thức học thuật trong lĩnh vực. Cụ thể, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi sau:

1. Giai đoạn nào chứng kiến sự gia tăng đáng kể về sự quan tâm học thuật đối với nghiên cứu về đổi mới và phát triển bền vững trong SMEs?

2. Những quốc gia nào có đóng góp nổi bật nhất vào tiến trình nghiên cứu trong giai đoạn được khảo sát?

3. Những chủ đề và hướng nghiên cứu nào đang nổi lên trong lĩnh vực này?

Nghiên cứu này làm rõ xu hướng, chủ đề nổi bật và khoảng trống tri thức về đổi mới và phát triển bền vững trong SMEs, đồng thời đề xuất hướng nghiên cứu tương lai. Thông qua phân tích

trắc lượng thư mục, bài viết hệ thống hóa tri thức toàn cầu và bổ sung bằng chứng định lượng cho các tổng quan lý thuyết trước đây. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở tham chiếu quan trọng cho nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp và học giả trong việc định hướng chiến lược đổi mới gắn với phát triển bền vững. Trong bối cảnh chuyển dịch từ ứng phó khủng hoảng sang định hướng đổi mới, các nghiên cứu tương lai nên tập trung vào vai trò của chuyển đổi số, đổi mới xanh, kinh tế tuần hoàn và khởi nghiệp trong thúc đẩy năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu dài hạn của SMEs.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

SMEs là khái niệm dùng để chỉ những doanh nghiệp có quy mô vừa, nhỏ hoặc siêu nhỏ, được xác định dựa trên các tiêu chí như số lượng lao động, doanh thu hoặc tổng tài sản. Tuy các tiêu chí này có thể khác nhau giữa các quốc gia, nhưng nhìn chung, SMEs là bộ phận chiếm tỷ lệ lớn trong nền kinh tế và đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra việc làm, thúc đẩy đổi mới và phát triển kinh tế địa phương.

Theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính Phủ Việt Nam (2018), SMEs được định nghĩa là các doanh nghiệp được phân loại theo tiêu chí, lao động, doanh thu và vốn như sau:

Bảng 1: Phân loại SMEs theo lao động và doanh thu

	DN siêu nhỏ		DN nhỏ		DN vừa	
	Số LĐ (người)	Doanh thu (tỷ đồng)	Số LĐ (người)	Doanh thu (tỷ đồng)	Số LĐ (người)	Doanh thu (tỷ đồng)
+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp và xây dựng	≤ 10	≤ 03	≤ 100	≤ 50	≤ 200	≤ 200
+ Thương mại và dịch vụ	≤ 10	≤ 10	≤ 50	≤ 100	≤ 100	≤ 300

Nguồn: Chính Phủ Việt Nam, 2018

Bảng 2: Phân loại SMEs theo lao động và vốn

	DN siêu nhỏ		DN nhỏ		DN vừa	
	Số LĐ (người)	Vốn (tỷ đồng)	Số LĐ (người)	Vốn (tỷ đồng)	Số LĐ (người)	Vốn (tỷ đồng)
+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp và xây dựng	≤ 10	≤ 3	≤ 100	≤ 20	≤ 200	≤ 100
+ Thương mại và dịch vụ	≤ 10	≤ 3	≤ 50	≤ 50	≤ 100	≤ 100

Nguồn: Chính Phủ Việt Nam, 2018

Thuật ngữ “đổi mới” (innovation) bắt nguồn từ tiếng Latinh innovation, nghĩa là “làm mới” hay “tạo ra cái mới”. Trong nghiên cứu quản lý, đổi mới thường được phân thành hai loại chính: đổi mới sản phẩm và đổi mới quy trình (Crossan và Apaydin, 2010). Đổi mới sản phẩm gắn với việc giới thiệu sản phẩm mới hoặc cải tiến đáng kể về đặc tính, công nghệ, nguyên liệu (OECD và Eurostat, 2005). Đây là yếu tố giúp doanh nghiệp tạo giá trị mới và nâng cao năng lực cạnh tranh. Ngoài ra, đổi mới quy trình tập trung vào việc áp dụng hoặc cải tiến kỹ thuật sản xuất, quy trình vận hành và công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất, giảm chi phí và đảm bảo chất

lượng. Bên cạnh đó, các hình thức khác như đổi mới tổ chức và đổi mới marketing cũng có ý nghĩa trong việc gia tăng tính bền vững của doanh nghiệp (Usman và cộng sự, 2021; Aka, 2019). Trong bối cảnh đổi mới bền vững, các hoạt động đổi mới không chỉ hướng đến hiệu quả kinh tế mà còn giảm thiểu tác động môi trường và tạo ra giá trị xã hội.

Phát triển bền vững (sustainability) được hiểu là việc xây dựng và triển khai các chiến lược kinh doanh nhằm cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, hướng đến sự phát triển lâu dài và ổn định. Theo Nimfa và cộng sự (2020), phát triển bền vững

trong SMEs không chỉ giúp tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, mà còn tạo ra giá trị cho cộng đồng và tăng cường lợi thế cạnh tranh. Trong bối cảnh phát triển bền vững ngày càng trở thành mối quan tâm trọng yếu của các nhà hoạch định chính sách, giới nghiên cứu và cộng đồng doanh nghiệp, SMEs được kỳ vọng trở thành lực lượng thúc đẩy quan trọng. Tuy nhiên, trước những thách thức toàn cầu như chi phí năng lượng tăng cao, yêu cầu về an toàn sản phẩm, dịch vụ và mục tiêu giảm phát thải carbon, SMEs vẫn gặp nhiều rào cản về nguồn lực, chi phí và năng lực công nghệ, khiến việc triển khai các chiến lược bền vững chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng.

Đáng chú ý, SMEs hiện đóng vai trò nền tảng trong tăng trưởng, đổi mới và phát triển xã hội (Valencia-Arias và cộng sự, 2024; Yao và cộng sự, 2019). Song, các doanh nghiệp này thường gặp trở ngại trong việc tiếp cận và khai thác hiệu quả nguồn lực công nghệ thông tin và truyền thông, đồng thời, đối diện với hạn chế kỹ thuật và thiếu hụt đầu tư cho giải pháp công nghệ phù hợp (Inayatulloh, 2020; Raj và cộng sự, 2019). Mặc dù vậy, SMEs vẫn được coi là động lực chủ đạo thúc đẩy đổi mới, tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch xã hội, góp phần nâng cao thu nhập, phúc lợi và ổn định xã hội ở cả các quốc gia phát triển và đang phát triển (Kareem và cộng sự, 2021; Sulistyo và Ayuni, 2020; Kumar, 2017; Page và Söderbom, 2015).

Trong những năm gần đây, một số công trình đã đề cập đến mối quan hệ giữa đổi mới và phát triển bền vững của SMEs, chẳng hạn như nghiên cứu về đổi mới hướng tới bền vững (Klewitz và Hansen, 2014), vai trò của văn hóa tổ chức và chuyển đổi số đối với tính bền vững (Isensee và cộng sự, 2020), hay các rào cản trong thực hành bền vững (Álvarez và cộng sự, 2018). Mặc dù đã có những nghiên cứu liên quan, song phần lớn còn rời rạc và thiếu tính hệ thống, do đó đặt ra nhu cầu cấp thiết phải làm rõ động lực, xu hướng và khoảng trống nghiên cứu. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này sử dụng phân tích trắc lượng thư mục như một cách tiếp cận toàn diện nhằm hệ thống hóa, trực quan hóa và làm rõ tiến trình phát triển của chủ đề “đổi mới và phát triển bền vững trong SMEs” trên phạm vi toàn cầu, qua đó cung cấp nền tảng cho các nghiên cứu tiếp theo và định hướng chính sách thực tiễn.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp phân tích trắc lượng thư mục

Phân tích trắc lượng thư mục (Bibliometric analysis) là cách tiếp cận dựa trên các kỹ thuật

thống kê nhằm đánh giá và khai thác thông tin trong các công trình khoa học, tập trung vào các yếu tố như tác giả, từ khóa và tài liệu tham khảo. Cách tiếp cận này cho phép làm rõ xu hướng nghiên cứu, sự phát triển của lĩnh vực cũng như bối cảnh học thuật liên quan (Zupic và Cater, 2015; Nicolaisen, 2010).

Trong nghiên cứu này, phương pháp phân tích đồng xuất hiện từ khóa (co-word analysis) hoặc co-occurrence analysis) được áp dụng để xác định mức độ gắn kết giữa các từ khóa trong các bài báo khoa học. Dữ liệu thu thập được xử lý và trực quan hóa bằng phần mềm VOSviewer, qua đó xây dựng bản đồ khoa học thể hiện mối quan hệ giữa các khái niệm và chủ đề. Cách tiếp cận này vừa giúp phát hiện các xu hướng mới, vừa phản ánh tiến trình phát triển của lĩnh vực nghiên cứu theo thời gian.

3.2. Quy trình phân tích

Quy trình phân tích gồm 4 giai đoạn:

1. Xác định tiêu chí tìm kiếm: Nghiên cứu tập trung vào chủ đề đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững trong SMEs, từ khóa tìm kiếm được thiết lập TITLE-ABS-KEY (“small and medium enterprises” OR SMEs AND innovation AND sustainability).

2. Lựa chọn cơ sở dữ liệu: Trong hai cơ sở dữ liệu phổ biến là Web of Science và Scopus, nghiên cứu lựa chọn Scopus vì có phạm vi bao phủ rộng hơn, được sử dụng phổ biến hơn và có mức độ tương đồng cao với Web of Science, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học xã hội (Zhu và Liu, 2020; Falagas và cộng sự, 2008).

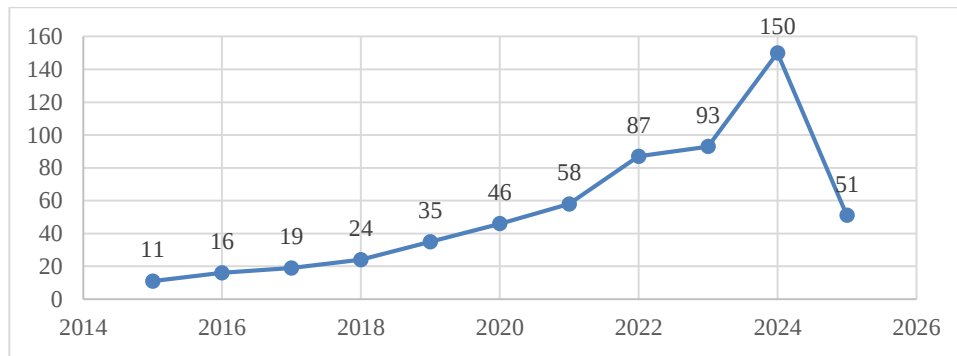
3. Thu thập dữ liệu: Kết quả ban đầu có 997 bài viết bằng Tiếng Anh về chủ đề đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững trong SMEs từ năm 2015 đến tháng 3 năm 2025. Sau bước sàng lọc, chỉ giữ lại các bài báo học thuật chính thức thuộc các lĩnh vực Kinh doanh, Quản lý và Kế toán, Khoa học Xã hội, Kinh tế học, Kinh tế lượng và Tài chính, còn lại 590 bài báo phù hợp để phân tích.

4. Phân tích dữ liệu: Ứng dụng phân tích trắc lượng thư mục và trực quan hóa nhằm nhận diện xu hướng, chủ đề trọng tâm và khoảng trống nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Tổng quan công bố

Thống kê công bố cho thấy bức tranh tổng thể về tình hình và xu hướng xuất bản, qua đó phản ánh mức độ quan tâm của giới học thuật đối với lĩnh vực nghiên cứu, đồng thời làm rõ những chủ đề và tạp chí nhận được nhiều sự chú ý nhất (Geng và cộng sự, 2024).



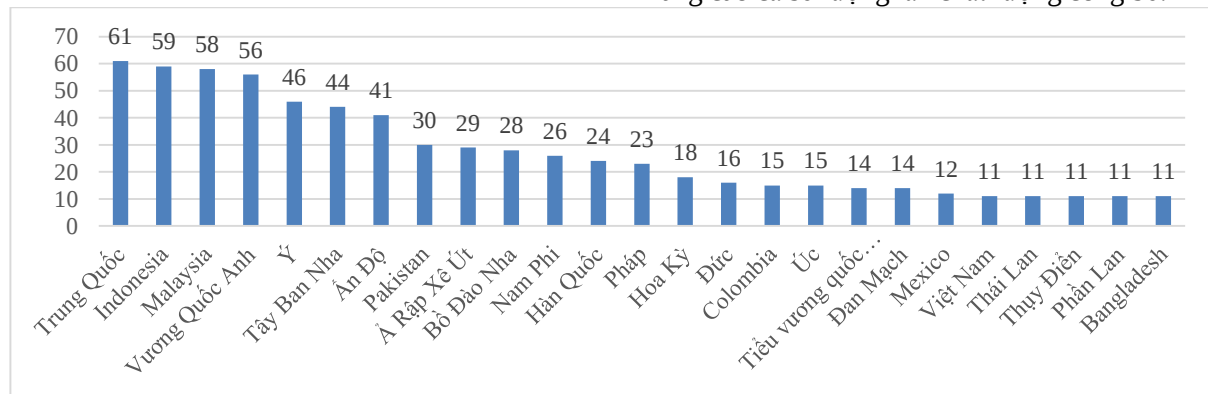
Hình 1. Thống kê số lượng nghiên cứu từ 2015 đến tháng 3 năm 2025

Nguồn: Phân tích của nhóm tác giả từ dữ liệu Scopus bằng phần mềm Excel (2025)

Hình 1 cho thấy số lượng công bố về đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững trong SMEs tăng dần qua các năm, đặc biệt sau năm 2020. Giai đoạn 2015-2020, số bài báo còn khá khiêm tốn và tăng chậm, từ 11 bài năm 2015 lên 46 bài năm 2020. Từ năm 2021 trở đi, tốc độ gia tăng rõ rệt hơn, đạt 87 bài năm 2022 và 93 bài năm 2023. Đáng chú ý, năm 2024 ghi nhận mức công bố cao nhất với 150 bài, phản ánh sự quan tâm mạnh mẽ của giới học thuật đối với chủ đề này. Tính đến tháng 3 năm 2025, đã có 51 bài được công bố, cho thấy xu hướng nghiên cứu vẫn duy trì ổn định và có khả năng tiếp tục tăng trong thời gian tới, bởi con số này mới chỉ phản ánh số liệu ở giai đoạn đầu năm.

4.2. Quốc gia dẫn đầu trong công bố

Phân thống kê số lượng bài báo theo quốc gia (Hình 2) cho thấy sự phân bố khá đa dạng nhưng tập trung chủ yếu ở một số nước dẫn đầu. Trung Quốc đứng đầu với 61 bài, tiếp đến là Indonesia (59 bài), Malaysia (58 bài) và Vương quốc Anh (56 bài), phản ánh mức độ quan tâm cao của các quốc gia này đối với chủ đề đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững trong SMEs. Trong khi đó, Việt Nam mới chỉ có 11 bài, song con số này cho thấy sự chuyển biến tích cực và mối quan tâm ngày càng tăng của cộng đồng nghiên cứu trong nước. So với các quốc gia trong khu vực như Indonesia và Malaysia, Việt Nam vẫn còn khoảng cách đáng kể, cho thấy nhu cầu cấp thiết trong việc đầu tư nghiên cứu và thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm nâng cao cả số lượng lẫn chất lượng công bố.



Hình 2. Quốc gia dẫn đầu về số lượng công bố

Nguồn: Phân tích của nhóm tác giả từ dữ liệu Scopus bằng phần mềm Excel (2025)

4.3. Các chủ đề trọng yếu trong nghiên cứu

Nhằm làm rõ cấu trúc tri thức trong lĩnh vực đổi mới và phát triển bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), nghiên cứu tiến hành phân tích từ khóa trong 590 bài báo thu thập từ cơ sở dữ liệu Scopus. Quá trình phân tích được thực hiện bằng phần mềm VOSviewer để trực quan hóa tần suất xuất hiện cũng như mối liên kết giữa các từ khóa.

Hình 3 thể hiện mối quan hệ giữa các khái niệm quan trọng liên quan đến SMEs, đổi mới sáng tạo (innovation) và phát triển bền vững (sustainability). Các từ khóa được chia thành 5 cụm chủ đề với màu sắc khác nhau, phản ánh những hướng nghiên cứu chính trong lĩnh vực này.

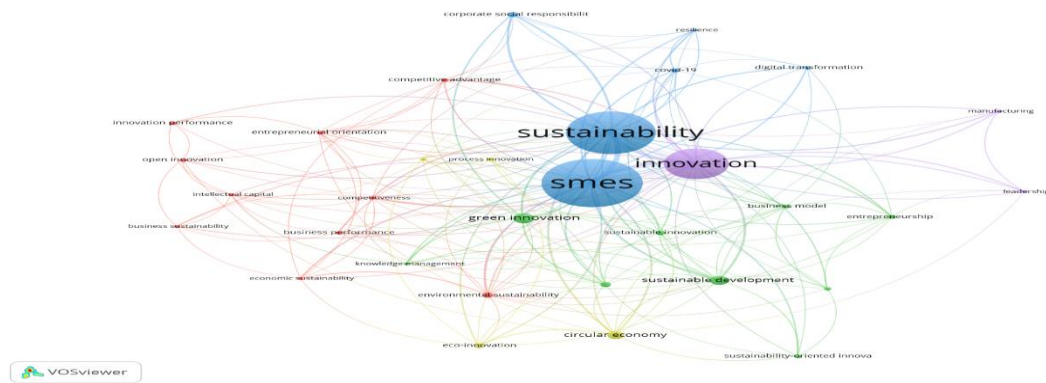
Cụm 1 (Màu xanh dương): SMEs và phát triển bền vững

Cụm này nhấn mạnh vai trò của SMEs trong tiến trình phát triển bền vững. Các từ khóa gắn liền như trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR), chuyển đổi số (digital transformation) và khả năng phục hồi (resilience) phản ánh sự dịch chuyển của SMEs từ mục tiêu lợi nhuận đơn thuần sang hướng phát triển bền vững, đồng thời nâng cao năng lực thích ứng trước những biến động như khủng hoảng kinh tế hoặc đại dịch.

Cụm 2 (Màu tím): Đổi mới sáng tạo và vai trò lãnh đạo

Cụm này tập trung vào mối quan hệ giữa đổi mới sáng tạo với quản lý, sản xuất và mô hình kinh doanh. Các từ khóa như leadership, manufacturing, business model cho thấy đổi mới không chỉ đến từ công nghệ mà còn phụ thuộc vào

năng lực quản trị và định hướng chiến lược. Đặc biệt, xu hướng sản xuất đổi mới (manufacturing innovation) đang nổi bật, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.



Hình 3. Bản đồ phân tích đồng từ khóa

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý dữ liệu bằng phần mềm VOSviewer (2025)

Cụm 3 (Màu đỏ): Cạnh tranh và đổi mới mở
Cụm này nhấn mạnh vai trò của đổi mới mở (open innovation), tài sản trí tuệ (intellectual capital) và định hướng doanh nhân (entrepreneurial orientation) trong nâng cao lợi thế cạnh tranh. Các doanh nghiệp không chỉ dựa vào nguồn lực nội bộ mà còn tích cực hợp tác và chia sẻ tri thức từ bên ngoài để cải thiện hiệu quả kinh doanh.

Cụm 4 (Màu xanh lá): Đổi mới xanh và phát triển bền vững

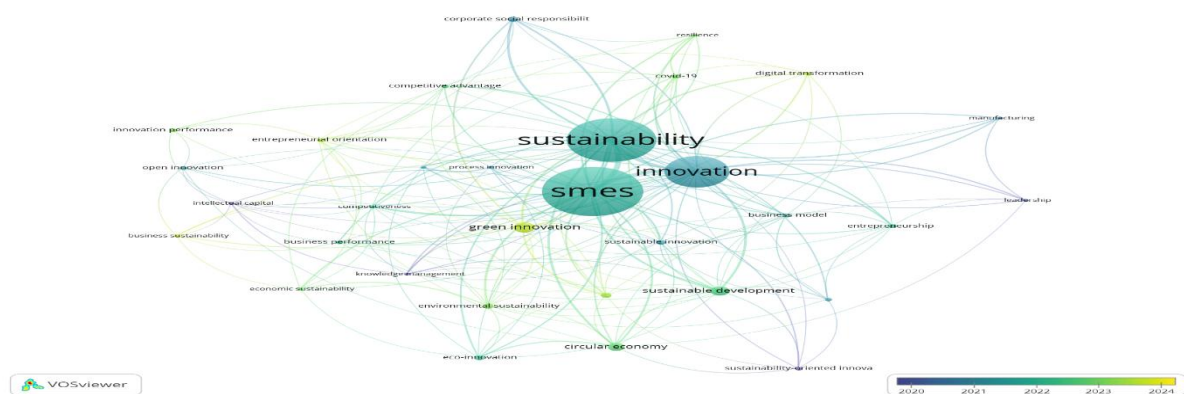
Cụm này gắn với các khái niệm đổi mới xanh (green innovation), đổi mới bền vững (sustainable innovation) và khởi nghiệp (entrepreneurship), phản ánh xu hướng doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh

doanh thân thiện với môi trường, ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu hóa tài nguyên và giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

Cụm 5 (Màu vàng): Kinh tế tuần hoàn và đổi mới sinh thái

Cụm này tập trung vào kinh tế tuần hoàn (circular economy), đổi mới sinh thái (eco-innovation) và bền vững môi trường (environmental sustainability). Nội dung cho thấy sự dịch chuyển nghiên cứu và thực tiễn doanh nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy tái chế, tái sử dụng, giảm lãng phí để vừa bảo vệ môi trường vừa nâng cao giá trị kinh tế dài hạn.

4.4. Phân tích các từ khóa theo thời gian



Hình 4. Xu hướng phát triển của các từ khóa theo thời gian

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý dữ liệu bằng phần mềm VOSviewer (2025)

Kết quả trực quan về xu hướng của từ khóa theo thời gian cho thấy sự dịch chuyển đáng chú ý trong giai đoạn 2020-2024. Cụ thể, từ năm 2020 đến 2022, trọng tâm các công trình tập trung vào khả năng thích ứng của doanh nghiệp trước những cú sốc toàn cầu như đại dịch COVID-19 và khủng

hoảng kinh tế. Các khái niệm như khả năng chống chịu (resilience), trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (corporate social responsibility) và bền vững kinh tế (economic sustainability) được khai thác sâu, trong khi chuyển đổi số (digital transformation) bắt đầu được xem như giải pháp quan trọng để duy

trì hoạt động và giảm thiểu rủi ro. Từ năm 2023 đến 2024, trọng tâm nghiên cứu chuyển hướng sang đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững, thể hiện qua sự nổi lên của các chủ đề đổi mới xanh (green innovation), kinh tế tuần hoàn (circular economy) và đổi mới bền vững (sustainable innovation). Trong giai đoạn này, chuyển đổi số đóng vai trò động lực thúc đẩy đổi mới mô hình kinh doanh, đồng thời các vấn đề về khởi nghiệp (entrepreneurship) và quản lý tri thức (knowledge management) ngày càng được nhấn mạnh. Nhìn chung, sự chuyển dịch từ định hướng ứng phó khủng hoảng sang nhấn mạnh đổi mới và phát triển bền vững phản ánh sự thay đổi trong cách tiếp cận của doanh nghiệp và giới nghiên cứu đối với những thách thức cũng như cơ hội mới của nền kinh tế toàn cầu.

4.5. Thảo luận

Kết quả phân tích trắc lượng thư mục đã phác họa bức tranh toàn cầu về nghiên cứu đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững trong SMEs giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 3 năm 2025, đồng thời cho thấy sự gia tăng đáng kể về mức độ quan tâm của giới học thuật đối với chủ đề này. Số lượng công bố tăng nhanh sau năm 2020, đạt đỉnh vào năm 2024 với 150 bài báo, phản ánh sự chuyển biến trong nhận thức toàn cầu về vai trò của SMEs trước các thách thức lớn như đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu và quá trình chuyển đổi số. Tuy nhiên, sự bùng nổ này chủ yếu tập trung ở các quốc gia châu Á như Trung Quốc, Indonesia và Malaysia, trong khi Việt Nam mới chỉ có 11 công trình công bố, cho thấy nhu cầu cấp thiết phải thúc đẩy đầu tư nghiên cứu và tăng cường kết nối giữa học thuật và thực tiễn doanh nghiệp.

Phân tích từ khóa theo cụm chủ đề cũng gợi mở những định hướng quan trọng cho Việt Nam: (i) tích hợp trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) và năng lực phục hồi (resilience) vào chiến lược SMEs; (ii) chuyển đổi tư duy lãnh đạo từ quản lý truyền thống sang lãnh đạo đổi mới (innovation leadership); (iii) khuyến khích đổi mới mở (open innovation) và hợp tác quốc tế nhằm tận dụng tri thức, tài sản trí tuệ; (iv) đẩy mạnh đổi mới xanh (green innovation) và mô hình kinh tế tuần hoàn (circular economy).

Tổng thể, các kết quả nghiên cứu nhấn mạnh rằng đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững không chỉ là lựa chọn mà đã trở thành điều kiện tất yếu để SMEs nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tuy vậy, sự chênh lệch rõ rệt giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển, cũng như khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, đặt ra yêu cầu cho các nghiên cứu tương lai tập trung nhiều hơn vào mô hình hợp tác quốc tế, đánh giá tác động thực tiễn và xây dựng khung chính sách hỗ trợ SMEs triển khai đổi mới bền vững.

5. Kết luận

Bài viết khẳng định vai trò quan trọng của SMEs trong nền kinh tế, đặc biệt trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Thông qua phân tích trắc lượng thư mục 590 bài báo giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 3 năm 2025 nay, trên cơ sở dữ liệu Scopus bằng phần mềm VOSviewer, nghiên cứu chỉ ra sự gia tăng rõ rệt trong các công bố về SMEs, phản ánh mối quan tâm ngày càng cao đối với lĩnh vực này. Trung Quốc dẫn đầu về số lượng nghiên cứu, trong khi Việt Nam cũng có đóng góp nhất định, dù chưa sánh kịp các quốc gia đứng đầu. Một xu hướng nổi bật được ghi nhận là sự chuyển dịch trọng tâm nghiên cứu: từ giai đoạn tập trung vào khả năng thích ứng với khủng hoảng, hiện nay đổi mới, chuyển đổi số và phát triển bền vững trở thành ưu tiên chiến lược của SMEs trong bối cảnh toàn cầu biến đổi nhanh. Phân tích từ khóa theo cụm chủ đề gợi mở những định hướng quan trọng cho Việt Nam, bao gồm: tích hợp trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) và năng lực phục hồi (resilience) vào chiến lược phát triển; chuyển đổi tư duy lãnh đạo từ quản lý truyền thống sang lãnh đạo đổi mới (innovation leadership); khuyến khích đổi mới mở (open innovation) và hợp tác quốc tế nhằm khai thác tri thức và tài sản trí tuệ; đồng thời đẩy mạnh đổi mới xanh (green innovation) và áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn (circular economy) để nâng cao hiệu suất kinh doanh bền vững. Những kết quả này cung cấp cơ sở khoa học quan trọng để các doanh nghiệp, nhà nghiên cứu và nhà hoạch định chính sách định hướng chiến lược phát triển SMEs một cách hiệu quả và bền vững hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aka, K. G. (2019). Actor-network theory to understand, track and succeed in a sustainable innovation development process. *Journal of Cleaner Production*, 225, 524-540. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2019.03.351>.
- Álvarez, J., Zartha, J., & Mendoza, G. (2018). Barriers to sustainability for small and medium enterprises in the framework of sustainable development—Literature review. *Business Strategy and the Environment*, 28, 512-524. <https://doi.org/10.1002/bse.2261>.
- Bagheri, A., Newman, A., & Eva, N. (2022). Entrepreneurial leadership of ceos and employees' innovative behavior in high-technology new ventures. *Journal of Small Business Management*, 60(4), 805-827.

- Cataldo, R., Crocetta, C., Grassia, M., Mazzocchi, P., Rocca, A., & Quintano, C. (2021). Sustainable Innovation: The Italian Scenario Studied Through Higher-Order Partial Least Squares-Path Modeling. *Social Indicators Research*, 173, 201-225. <https://doi.org/10.1007/s11205-021-02846-w>.
- Crossan, M. M., & Apaydin, M. (2010). A multi-dimensional framework of organizational innovation: A systematic review of the literature. *Journal of Management Studies*, 47(6), 1154–1191. <https://doi.org/https://doi.org/10.1111/j.1467-6486.2009.00880.x>.
- Chính Phủ Việt Nam. (2018). Các điều khoản của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP. <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2018/03/39.signed.pdf>.
- Falagas, M. E., Kouranos, V. D., Arencibia-Jorge, R., & Karageorgopoulos, D. E. (2008). Comparison of SCImago journal rank indicator with journal impact factor. *The FASEB Journal*, 22(8), 2623-2628.
- Ferreira, J., Coelho, A., & Moutinho, L. (2020). Dynamic Capabilities, Creativity and Innovation Capability and Their Impact on Competitive Advantage and Firm Performance: The Moderating Role of Entrepreneurial Orientation. *Technovation*, 92. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.technovation.2018.11.004>.
- Geng, Y., Zhang, X., Gao, J., Yan, Y., & Chen, L. (2024). Bibliometric analysis of sustainable tourism using CiteSpace. *Technological Forecasting and Social Change*, 202. <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2024.123310>.
- Inayatulloh, I. (2020). *Technology Acceptance Model (TAM) for the Implementation of Knowledge Acquired model for SME*. <https://doi.org/10.1109/ICIMTech50083.2020.9211279>.
- Isensee, C., Teuteberg, F., Griesse, K.-M., & Topi, C. (2020). The relationship between organizational culture, sustainability, and digitalization in SMEs: A systematic review. *Journal of Cleaner Production*, 275, 122944. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2020.122944>.
- Kareem, H. M., Aziz, K. A., Maelah, R., Yunus, Y. M., Alsheikh, A., & Alsheikh, W. (2021). The influence of accounting information systems, knowledge management capabilities, and innovation on organizational performance in Iraqi SMEs. *International Journal of Knowledge Management (IJKM)*, 17(2), 72-103.
- Klewitz, J., & Hansen, E. (2014). Sustainability-Oriented Innovation of SMEs: A Systematic Review. *Journal of Cleaner Production*, 65, 57-75. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2013.07.017>.
- Kumar, R. (2017). Targeted SME Financing and Employment Effects: What Do We Know and What Can We Do Differently? *Jobs Group Papers, Notes, and Guides 27547256*, The World Bank.
- Kundurpi, A., Westman, L., Luederitz, C., Burch, S., & Mercado, A. (2021). Navigating between adaptation and transformation: How intermediaries support businesses in sustainability transitions. *Journal of Cleaner Production*, 283. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2020.125366>.
- Merediz-Solà, I., & Bariviera, A. F. (2019). A bibliometric analysis of bitcoin scientific production. *Research in International Business and Finance*, 50, 294-305. <https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2019.06.008>.
- Nicolaisen, J. (2010). Bibliometrics and citation analysis: From the science citation index to cybermetrics. *Journal of the American Society for Information Science and Technology*, 61(1), 205–207.
- Nidumolu, R., Prahalad, C. K., & Rangaswami, M. R. (2013). Why Sustainability Is Now the Key Driver of Innovation. *Engineering Management Review, IEEE*, 41, 30-37. <https://doi.org/10.1109/EMR.2013.6601104>.
- Nimfa, D., Abdul Latiff, A., Abd Wahab, S., & Etheraj, P. (2020). Effect Of Organisational Culture On Sustainable Growth Of Smes: Mediating Role Of Innovation Competitive Advantage. Business and Innovation Engineering Conference (BIEC), 2nd International Conference on Risk Management as an Interdisciplinary Approach (ICRMIA) Bogor, Indonesia.
- OECD, & Eurostat. (2005). Oslo manual: Guidelines for collecting and interpreting innovation data (3rd ed.). *The Measurement of Scientific and Technological Activities, OECD3270. The Qualitative Report 2023 Publishing*. <https://doi.org/https://doi.org/10.1787/9789264013100-en>.
- Page, J., & Söderbom, M. (2015). Is small beautiful? Small enterprise, aid and employment in Africa. *African Development Review*, 27(S1), 44-55.
- Raj, R., Wong, S. H. S., & Beaumont, A. (2019). Empowering SMEs to Make Better Decisions with Business Intelligence: A Case Study: 8th International Joint Conference, IC3K 2016, Porto, Portugal, November 9–11, 2016, Revised Selected Papers. In (pp. 306-325). https://doi.org/10.1007/978-3-319-99701-8_15.

- Ratten, V., Fakhar Manesh, M., Pellegrini, M., & Dabic, M. (2020). The Journal of Family Business Management: a bibliometric analysis. *Journal of Family Business Management, ahead-of-print*. <https://doi.org/10.1108/JFBM-02-2020-0013>.
- Sulistyo, H., & Ayuni, S. (2020). Competitive advantages of SMEs: The roles of innovation capability, entrepreneurial orientation, and social capital. *Contaduría Y Administración*, 65(1), 156-174.
- Sumrin, S., Gupta, S., Asaad, Y., Wang, Y., Bhattacharya, S., & Foroudi, P. (2021). Eco-innovation for environment and waste prevention. *Journal of Business Research*, 122, 627-639. <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2020.08.001>.
- Usman, A., Azis, Y., Harsanto, B., & Azis, A. M. (2021). Airport service quality dimension and measurement: A systematic literature review and future research agenda. *International Journal of Quality and Reliability Management. Advance online publication*. <https://doi.org/10.1108/IJQRM-07-2021-0198>.
- Valencia-Arias, A., Patiño-Toro, O., Vásquez Coronado, M. H., Bernal, O.-V., & Zea Marquina, E. (2024). Knowledge Management in Small and Medium Enterprises: Literature Review and Research Agenda. *Scientific Papers of the University of Pardubice, Series D: Faculty of Economics and Administration*, 32(1). <https://doi.org/10.46585/sp32011656>.
- Yao, X., Huang, R., & Song, M. (2019). How to reduce carbon emissions of small and medium enterprises (SMEs) by knowledge sharing in China. *Production Planning & Control*, 30, 881-892. <https://doi.org/10.1080/09537287.2019.1582096>.
- Yu, D., Wang, W., Zhang, W., & Zhang, S. (2018). A Bibliometric Analysis of Research on Multiple Criteria Decision Making. *Current Science*, 114(04). <https://doi.org/10.18520/cs/v114/i04/747-758>.
- Zhu, J., & Liu, W. (2020). A tale of two databases: The use of Web of science and scopus in academic papers. *Scientometrics*, 123(1), 321-335.
- Zupic, I., & Čater, T. (2015). Bibliometric Methods in Management and Organization. *Organizational Research Methods*, 18(3), 429-472. <https://doi.org/10.1177/1094428114562629>.

Thông tin tác giả:

1. Võ Khắc Thường

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Phan Thiết

2. Võ Khắc Trường Thanh

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Phan Thiết

3. Lâm Ngọc Điệp

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Phan Thiết

4. Lê Anh Linh

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Phan Thiết

5. Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Phan Thiết

- Địa chỉ email: nnhky@upt.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/7/2025

Ngày nhận bản sửa: 10/11/2025

Ngày duyệt đăng: 18/11/2025